TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 06 – 9 – 2024
V/v tranh chấp HNGĐ
Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Võ Thị Ngọc M

*Các Hội thẩm nhân dân:*1. Ông Phan Quốc T

2. Ông Trần Văn Bé H

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Tấn L – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 305/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2024 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 416/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 461/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị Út D, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh Lâm Văn Vũ L, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm chị Phan Thị Út D là nguyên đơn trình bày:

- Về tình cảm: Chị D và anh L chung sống với nhau năm 2008, có đăng ký kết hôn năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay, chị Phan Thị Út D yêu cầu ly hôn với anh Lâm Văn Vũ L.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Bảo T, sinh ngày 01/7/2008 và Lâm Gia B, sinh ngày 03/01/2020, hiện nay con chung đang sống với chị Phan Thị Út D. Khi ly hôn, chị Phan Thị Út D yêu cầu được nuôi 02 con chung, chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về chia tài sản khi ly hôn: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lâm Văn Vũ L đã được tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và được triệu tập xét xử hợp lệ, biết nội dung yêu cầu khởi kiện của chị D nhưng không có ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:

- 01 Căn cước công dân (Bản photo);

- 01 trích lục kết hôn (Bản sao);

- 02 Giấy khai sinh (Bản sao).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Phan Thị Út D có đơn yêu cầu được ly hôn, nuôi con với anh Lâm Văn Vũ L. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là *"Tranh chấp hôn nhân gia đình ly hôn, nuôi con"*.

Anh Lâm Văn Vũ L là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ tại huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Lâm Văn Vũ L là bị đơn trong vụ kiện nhưng anh L vẫn cố tình vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì về việc xin ly hôn của chị D. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Lâm Văn Vũ L là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh L sống chung với nhau vào năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp vào năm 2012, do đó hôn nhân giữa chị D và anh L là hợp pháp.

Theo chị D trình bày, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến thời gian sau, chị D và anh L phát sinh nhiều mâu thuẫn, tranh cãi do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Chị D và anh L không còn chung sống với nhau cũng như không còn quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau.

Khi giải quyết vụ kiện, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập anh Lâm Văn Vũ L tham gia phiên hòa giải, phiên tòa nhưng anh L vắng mặt không có lý do cũng như không có ý kiến hay biện pháp nào để hàn gắn tình cảm đối với yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị Út D. Xét thấy hôn nhân giữa chị D và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị D yêu cầu ly hôn với anh L là có căn cứ để chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị D và anh L là mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị D.

- Về con chung: Xét từ khi chị D, anh L sống xa nhau đến nay, chị D là người trực tiếp nuôi con chung Bảo T và Gia B; Bên cạnh đó, tại bản tự khai ngày 05/8/2024, Lâm Bảo T1 có nguyện vọng được sống chung với mẹ là chị D.

Do đó, giao con chung tên Lê Bảo T, sinh ngày 01/7/2008 và Lâm Gia B, sinh ngày 03/01/2020 cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Anh L1 không phải cấp dưỡng nuôi con do không có yêu cầu.

Anh Lâm Văn Vũ L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Chị D trình bày vợ chồng không có tài sản chung, anh L không có ý kiến về tài sản chung, không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị D trình bày vợ chồng không có nợ chung, anh L không có ý kiến về nợ chung, không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Phan Thị Út D phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 144 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị Út D.

- Về hôn nhân: Chị Phan Thị Út D được ly hôn với anh Lâm Văn Vũ L.

- Về con chung: Chị Phan Thị Út D được tiếp tục nuôi con chung Lê Bảo T, sinh ngày 01/7/2008 và Lâm Gia B, sinh ngày 03/01/2020.

Anh Lâm Văn Vũ L không phải cấp dưỡng nuôi con do không có yêu cầu.

Anh Lâm Văn Vũ L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Phan Thị Út D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008863 ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Như vậy tiền án phí đương sự đã nộp xong.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND HCL;
- UBND xã Mỹ Hội, HCL, ĐT;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Ngọc Minh